

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 30-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Liên và ông Lò Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Lê Thành Công, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Mào Văn N, sinh năm 1989, tại huyện M, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Công chức văn phòng thống kê xã N.

Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Mào Văn H, sinh năm 1957; Con bà: Lò Thị K, sinh năm 1960.

Bị cáo có vợ Cà Thị K và 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2018 đến ngày xét xử. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* **Người bị hại:** Bùi Văn N, sinh năm 1987, địa chỉ Bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cà Thị K, sinh năm 1991, địa chỉ Bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

* **Người làm chứng:** Quàng Thị Mai T, sinh năm 1991, địa chỉ Bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Pờ Go L, Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ có mối quan hệ bất chính với vợ mình, bị cáo Mào Văn N đã dùng áp lực để buộc anh Bùi Văn N phải viết giấy nhận nợ với số tiền 20.000.000 đồng. Cụ thể:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 12/11/2018, sau khi họp dân ở bản N 3, xã N, huyện N thì bị cáo Mào Văn N đã đến điểm trường bản N 3, xã N để nói chuyện với Bùi Văn N. Đến nơi bị cáo và anh N lời qua tiếng lại để đối chất nhau về việc N có quan hệ tình dục với vợ của bị cáo là Cà Thị K hay không. Trong lúc hai bên đang đối chất thì bị cáo dùng tay tát anh N, đồng thời dùng con dao dọc giấy dí vào cổ và vào đùi quần quanh vùng dương vật của N nhằm gây sức ép buộc anh N thừa nhận có quan hệ tình dục với vợ bị cáo. Bị cáo gây áp lực bằng vũ lực nhiều lần nên anh N đã thừa nhận với bị cáo có quan hệ tình dục với chị Cà Thị K 19 lần. Sau khi anh N thừa nhận thì bị cáo Mào Văn N yêu cầu anh N phải bồi thường cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng. Nếu không có thì viết giấy vay nợ, nếu không viết thì bị cáo sẽ báo cho UBND huyện N, Phòng giáo dục huyện N, UBND xã N do anh N là giáo viên điểm bản N 3 Trường Tiểu học dân tộc bán trú N. Bùi Văn N viết giấy nhận nợ với bị cáo xong thì bị cáo bỏ điện thoại, sạc điện thoại và dao dọc giấy của N cùng giấy nhận nợ vào túi nilon đem về cất tại nhà của N ở bản N 1, xã N. Trên đường đi, bị cáo đã làm rơi mất dao dọc giấy. Sau đó bị cáo cùng N đến điểm trường bản N 1, xã N nơi chị Cà Thị K vợ của bị cáo ở để tiếp tục đối chất và xin lỗi vợ chồng bị cáo.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/11/2018, Mào Văn N cùng Bùi Văn N đến phòng ở của Cà Thị K có Quàng Thị Mai T ở cùng. Tại đây bị cáo tiếp tục dùng dao gấp trong ba lô uy hiếp N, dùng vũ lực tát uy hiếp Cà Thị K, bị cáo tiếp tục lấy con dao dọc giấy trong phòng ở của Cà Thị K dí vào dương vật N đe dọa bắt Bùi

Văn N quỳ xuống xin lỗi vợ chồng bị cáo. Sau cùng bị cáo giao hẹn cho Bùi Văn N khoảng 8 đến 9 giờ cùng ngày phải giao cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó anh Bùi Văn N làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã N.

Cáo trạng số 22/CT-VKSNP ngày 28/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Mào Văn N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo tuyên phạt bị cáo Mào Văn N từ 15 đến 20 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cưỡng đoạt tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2; Điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát về điều luật và tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 12 đến 16 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Miễn án phí HSST cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội và luận cứ bào chữa của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Đơn trình báo sự việc của Bùi Văn N gửi Công an xã N bút lục 01 đến 02. Anh N yêu cầu Công an xã N làm rõ sự việc Mào Văn N đe dọa và dùng vũ lực ép buộc anh N thừa nhận quan hệ bất chính với Cà Thị K đồng thời phải nhận nợ với số tiền 20.000.000 đồng.

Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm hồi 08 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 của Công an huyện N tại bút lục 03. Người cung cấp nguồn tin là Bùi Văn N, sinh năm 1987, địa chỉ bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Giấy khất nợ tại bút lục số 43, 44 người khất nợ Bùi Văn N thay cho bồi thường danh dự cho Mào Văn N số tiền 20.000.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can của Mào Văn N từ bút lục số 131 đến 152 chứng minh bị cáo Mào Văn N đã sử dụng phương tiện là dao gấp, dao dọc giấy, lời lẽ đe dọa và dùng vũ lực tác động vào cơ thể của Bùi Văn N để anh N nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng trái với ý muốn của anh N.

Lời khai của Bùi Văn N từ bút lục 73 đến 92; bản tường trình sự việc, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cà Thị K từ bút lục 95 đến 104; bản tường trình sự việc, lời khai của người làm chứng Quảng Thị Mai T từ bút lục 107 đến 113 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với các chứng cứ khác trong vụ án.

Bản Kết luận điều tra số 19/KLĐT ngày 27/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tại các bút lục từ 153 đến 156 kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra vụ án hình sự đến Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị truy tố bị can Mào Văn N về tội Cường đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Mào Văn N có tội, bị cáo đã dùng vũ lực để đe dọa đối với người bị hại trên cơ sở mối nghi ngờ của bị cáo. Mặc dù việc sử dụng vũ lực của bị cáo chưa đến mức làm cho Bùi Văn N bị tê liệt hoàn toàn về thể chất nhưng mặt khách quan của tội phạm chỉ cần bị cáo đe dọa sẽ dùng vũ lực đối với bị hại. Hơn nữa ngoài việc bị cáo dùng vũ lực về thể chất, bị cáo còn đe dọa về tinh thần sẽ phản ánh đến UBND xã N, UBND huyện N, Phòng giáo dục huyện N làm cho Bùi Văn N lo sợ mà tự nguyện nhận các lỗi lầm và tự nguyện viết giấy nhận nợ với số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo Mào Văn N không có chứng cứ nào xác định anh Bùi Văn N có quan hệ bất chính với vợ bị cáo là Cà Thị K. Tuy nhiên bị cáo đã chủ quan nghe theo dư luận đồng thời dùng các thủ đoạn để thỏa mãn tính ghen tuông và nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành cả về ý thức chủ quan lẫn khách quan và được bị cáo thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo thực sự nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đặc biệt còn làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Mặc dù bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản, tuy nhiên ý thức chủ quan của bị cáo dùng vũ

lực đủ để người bị hại lo sợ nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội Cường đoạt tài sản được quy định tại điều 170 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mào Văn N có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội: Giá trị tài sản bị cáo yêu cầu Bùi Văn N nhận nợ nhằm chiếm đoạt là số tiền 20.000.000 đồng. Giá trị tài sản dưới 50.000.000 đồng. Tính chất tội phạm của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng và phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Cường đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và các tình tiết khác để quyết định hình phạt phù hợp.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo sinh ra và lớn lên ở bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đang là Công chức Văn phòng Thống kê của UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 05/12/2018, Thường trực Hội đồng nhân dân xã N đã Quyết định tạm đình chỉ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân xã đối với bị cáo. Ngày 10/01/2019, Đảng ủy xã N đã Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ đối với bị cáo. Bị cáo đang trong giai đoạn phát triển về năng lực công tác, năng lực chính trị. Tuy nhiên do bị cáo ghen tuông tình cảm thái quá mà phải nhận một bản án không đáng có trong đời.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa bị Tòa án xét xử do vậy lần phạm tội này bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Bùi Văn N. Số tiền bị cáo tự nguyện để bồi thường cho thiệt hại về tinh thần do của anh N do hành vi đe dọa của bị cáo gây nên đồng thời bị cáo xin lỗi anh N trước Ban giám hiệu nhà trường nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình công tác, bị cáo nhận được nhiều Giấy khen của UBND xã N, Giấy khen của UBND huyện N đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2015, 2016, 2017. Ủy ban nhân dân xã N có Công văn số 143/CV-UBND ngày 12/12/2018 xin giảm nhẹ cho bị cáo; tại phiên tòa người bị hại Bùi Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Mào Văn N. Những nhận định trên đây là cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án tù từ 12 đến 16 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đề nghị của Luật sư Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ ở Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội bị cáo công tác và chấp hành tốt chính sách của Đảng và Nhà nước. Không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối chiếu theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Mào Văn N có đủ điều kiện được hưởng án treo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách để tạo điều kiện cho các bị cáo nhận thức, sửa chữa lỗi lầm, làm ăn chân chính.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Mào Văn N.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng là 02 con dao thu giữ của Cà Thị K là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, chị Cà Thị K đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng. Do vậy Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là một điện thoại SamSung Galaxy J7, một pin sạc dự phòng và một cáp sạc điện thoại cơ quan điều tra thu giữ của Mào Văn N. Quá trình điều tra xác định là tài sản của Bùi Văn N và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Mào Văn N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo **Mào Văn N 20** (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **40** (bốn mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 30/5/2019.

Giao bị cáo Mào Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2; Điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 con dao được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 15 giờ 30 phút ngày 28/3/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu hồi 07 giờ 45 phút ngày 06/12/2018 của Công an huyện N trả tài sản cho Bùi Văn N.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án, chỉ K được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/5/2019.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Nậm Pồ;
- Đảng ủy xã N;
- UBND xã N;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huân